



## ATC AUDITING AND VALUATION FIRM COMPANY LIMITED

**Ha Noi Head office**  
ATC Building, Lot D12, Van Phuc Auctions Zone, Van Phuc Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam  
Tel: (84-24) 32000162 \* Fax: (84-24) 32000163  
www.atcf.vn

**Ho Chi Minh City Office**  
223 Le Van Sy Street, Ward 14, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Tel: (84-028) 39917468 - (84-028) 39917469  
Fax: (84-028) 39917470

Số: 01.20.03/2019/BCKiT2/CNATC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2019

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai được lập ngày 20 tháng 03 năm 2019, từ trang 04 đến trang 17, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**TRẦN VĂN NHỊ**

Phó Giám đốc chi nhánh

Số GCN ĐKHNKT: 1265-2018-047-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC**

**NGUYỄN ĐỨC HUY**

Kiểm toán viên

Số GCN ĐKHNKT: 1514-2018-047-1

# CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>8.194.751.158</b>	<b>8.519.132.315</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>IV.1</b>	<b>3.113.943.423</b>	<b>527.477.946</b>
Tiền	111		2.113.943.423	127.477.946
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	400.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.650.608.870</b>	<b>7.067.303.506</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.2	4.645.208.870	7.021.503.506
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		400.000	38.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		5.000.000	7.300.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>IV.3</b>	<b>386.785.986</b>	<b>762.458.376</b>
Hàng tồn kho	141		386.785.986	762.458.376
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>43.412.879</b>	<b>161.892.487</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.5	43.412.879	161.892.487
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.521.282.764</b>	<b>5.997.240.837</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>IV.4</b>	<b>7.441.484.484</b>	<b>5.885.188.617</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		7.441.484.484	5.885.188.617
- Nguyên giá	222		11.603.179.153	8.823.179.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.161.694.669)	(2.937.990.536)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>79.798.280</b>	<b>112.052.220</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.5	79.798.280	112.052.220
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>15.716.033.922</b>	<b>14.516.373.152</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.*

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b> VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.722.854.401</b>	<b>6.575.157.071</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.722.854.401</b>	<b>6.575.157.071</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.6	3.813.703.879	3.600.475.516
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	IV.7	-	298.227.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.8	868.159.339	422.055.508
Phải trả người lao động	314		864.485.373	611.152.917
Phải trả ngắn hạn khác	319	IV.9	746.755.352	1.367.783.251
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	IV.10	429.750.458	275.462.879
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>8.993.179.521</b>	<b>7.941.216.081</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	IV.11	<b>8.993.179.521</b>	<b>7.941.216.081</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		7.000.000.000	7.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.000.000.000	7.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.480.494.675	898.945.737
Lợi nhuận chưa phân phối	421		512.684.846	42.270.344
- Lãi chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		42.270.344	34.650.799
- Lãi chưa phân phối năm nay	421b		470.414.502	7.619.545
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>15.716.033.922</b>	<b>14.516.373.152</b>



**CHÂU VĂN CƯỜNG**

Kế toán trưởng

**BÙI VĂN VƯƠNG**

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2019

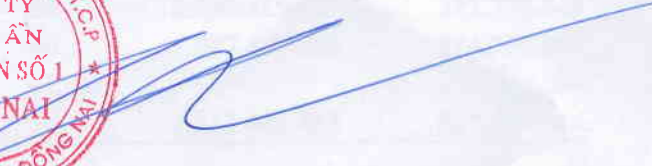
**CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		48.337.598.337	33.358.050.713
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (10 = 01 - 02)	<b>10</b>	V.1	<b>48.337.598.337</b>	<b>33.358.050.713</b>
Giá vốn hàng bán	11	V.2	42.152.808.530	28.570.112.333
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>6.184.789.807</b>	<b>4.787.938.380</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		14.609.328	6.794.600
Chi phí tài chính	22	V.3	444.708	15.633.197
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		444.708	15.633.197
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.4	2.439.375.793	2.324.344.579
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	<b>30</b>		<b>3.759.578.634</b>	<b>2.454.755.204</b>
Thu nhập khác	31		6.784.217	19.447.668
Chi phí khác	32		35.869.737	3.000.000
<b>Lợi nhuận khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>		<b>(29.085.520)</b>	<b>16.447.668</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>3.730.493.114</b>	<b>2.471.202.872</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.5	842.367.970	531.583.327
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>2.888.125.144</b>	<b>1.939.619.545</b>



**CHÂU VĂN CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**BÙI VĂN VƯƠNG**  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.730.493.114	2.471.202.872
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.223.704.133	1.113.346.324
Chi phí lãi vay	06	444.708	15.633.197
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	4.954.641.955	3.600.182.393
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.416.694.636	(3.902.788.669)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	375.672.390	(493.098.079)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	176.205.108	3.328.387.358
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	150.733.548	(102.228.044)
Tiền lãi vay đã trả	14	(444.708)	(15.633.197)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(561.583.327)	(573.244.258)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(281.874.125)	(66.805.973)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.230.045.477</b>	<b>1.774.771.531</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.780.000.000)	(3.144.058.182)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.780.000.000)</b>	<b>(3.144.058.182)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	2.890.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	318.271.062	2.030.106.723
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(318.271.062)	(2.548.044.223)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.863.580.000)	(690.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.863.580.000)</b>	<b>1.682.062.500</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>2.586.465.477</b>	<b>312.775.849</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	527.477.946	214.702.097
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>3.113.943.423</b>	<b>527.477.946</b>



**CHÂU VĂN CƯỜNG**  
Kế toán trưởng



**BÙI VĂN VƯƠNG**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2019

# CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

## I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3602997972 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 03 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Văn phòng Công ty đặt tại Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (trong khuôn viên Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai).

Vốn điều lệ: 7 tỷ đồng. Mệnh giá: 10.000 VND/CP.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số lượng nhân viên của Công ty là 59 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 50 người).

### Lĩnh vực hoạt động

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nâng hạ, sửa chữa và vận chuyển container và dịch vụ khác tại cảng.

### Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính. Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành. Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 08 năm
Máy móc thiết bị	05 năm
Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm

### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

### Các khoản phải trả thương mại, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả thương mại, phải trả khác và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận hoặc chưa nhận được hóa đơn của nhà cung cấp.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và tương đương tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
Tiền mặt - VND	118.360.586	43.432.773
Tiền gửi ngân hàng - VND	1.995.582.837	84.045.173
Tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng - VND (*)	1.000.000.000	400.000.000
	<b><u>3.113.943.423</u></b>	<b><u>527.477.946</u></b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn một tháng (ngày gửi: ngày 28 tháng 12 năm 2018) và được tắt toán trước hạn trong năm 2019 (tắt toán vào ngày 14 tháng 01 năm 2019).

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	4.313.092.176	6.765.716.059
Ocean Network Express (Vietnam) Co., Ltd	180.775.874	-
NYK Line Viet Nam Co., Ltd	-	171.429.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hoàng Gia Container	94.680.000	-
Công ty Liên doanh Eastern Việt Nam	-	43.504.902
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật	32.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Container Việt Nam	20.400.000	21.600.000
Trần Đông Hưng	-	10.794.140
APL Co. Pte. Ltd	-	5.192.480
Công ty TNHH Tuyển T.S	4.260.820	3.266.925
	<b><u>4.645.208.870</u></b>	<b><u>7.021.503.506</u></b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
Nguyên vật liệu	251.344.849	296.601.472
Công cụ dụng cụ	135.441.137	121.856.904
Hàng hóa	-	344.000.000
	<b><u>386.785.986</u></b>	<b><u>762.458.376</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<b><u>386.785.986</u></b>	<b><u>762.458.376</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

**4. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại 01/01/2018	683.359.331	215.500.000	7.845.261.640	79.058.182	8.823.179.153
Tăng trong năm	200.000.000	-	2.580.000.000	-	2.780.000.000
Tại 31/12/2018	883.359.331	215.500.000	10.425.261.640	79.058.182	<b>11.603.179.153</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại 01/01/2018	312.979.906	48.625.014	2.543.277.802	33.107.814	2.937.990.536
Tăng trong năm	130.789.497	43.100.016	1.036.932.344	12.882.276	1.223.704.133
Tại 31/12/2018	443.769.403	91.725.030	3.580.210.146	45.990.090	<b>4.161.694.669</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/01/2018	370.379.425	166.874.986	5.301.983.838	45.950.368	5.885.188.617
Tại 31/12/2018	439.589.928	123.774.970	6.845.051.494	33.068.092	<b>7.441.484.484</b>

**5. Chi phí trả trước**

**Ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	43.412.879	143.638.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	18.254.000
	<b>43.412.879</b>	<b>161.892.487</b>

**Dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	79.798.280	112.052.220
	<b>79.798.280</b>	<b>112.052.220</b>

**6. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH Logistics Cát Tường	1.363.706.432	1.767.093.960
Công ty TNHH ĐT XD TM DV Phú Nhuận	471.711.250	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phương Nam Phát	459.695.500	232.705.636
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Huy Hoàng	359.828.229	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	342.332.000	14.003.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Hưng Phát	321.349.040	491.432.228
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Container Việt Nam	-	329.861.085
Công ty TNHH Royal Logistics	-	215.528.500
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Nai	-	186.911.060
Công ty TNHH Dịch vụ Quốc tế Minh Thịnh	-	93.418.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	-	86.240.000
Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam	119.736.100	-
Các nhà cung cấp khác	375.345.328	183.282.047
	<b>3.813.703.879</b>	<b>3.600.475.516</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

7. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		31/12/2018	01/01/2018	
		VND	VND	
Công ty Cổ phần Mai Thành		-	297.000.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai		-	1.227.000	
		<u>-</u>	<u>298.227.000</u>	
8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		31/12/2018	01/01/2018	
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng		367.382.625	272.002.811	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		424.402.742	143.618.099	
Thuế thu nhập cá nhân		76.373.972	6.434.598	
		<u>868.159.339</u>	<u>422.055.508</u>	
9. Phải trả ngắn hạn khác		31/12/2018	01/01/2018	
		VND	VND	
Cổ tức được chia theo kế hoạch năm 2017 còn phải trả cho các cổ đông		-	1.260.000.000	
Cổ tức được chia theo kế hoạch năm 2018 còn phải trả cho các cổ đông		700.000.000	-	
Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty		-	79.200.000	
Thu hộ Công ty Cổ phần Giao nhận Hưng Phát		-	10.879.999	
Các khoản bảo hiểm trích theo lương		45.456.307	12.391.707	
Trợ cấp ốm đau		1.299.045	5.311.545	
		<u>746.755.352</u>	<u>1.367.783.251</u>	
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		31/12/2018	01/01/2018	
		VND	VND	
Số dư đầu năm		275.462.879	54.268.852	
Trích lập quỹ trong năm		436.161.704	288.000.000	
(Chi sử dụng) quỹ trong năm		(281.874.125)	(66.805.973)	
		<u>429.750.458</u>	<u>275.462.879</u>	
11. Vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cộng VND
Tại 01/01/2017	4.110.000.000	424.650.799	514.945.737	5.049.596.536
Tăng vốn trong năm	2.890.000.000	-	-	2.890.000.000
Lãi trong năm	-	1.939.619.545	-	1.939.619.545
Trích lập quỹ	-	(672.000.000)	384.000.000	(288.000.000)
Chia cổ tức	-	(1.650.000.000)	-	(1.650.000.000)
Tại 31/12/2017	<u>7.000.000.000</u>	<u>42.270.344</u>	<u>898.945.737</u>	<u>7.941.216.081</u>
Tại 01/01/2018	7.000.000.000	42.270.344	898.945.737	7.941.216.081
Lãi trong năm	-	2.888.125.144	-	2.888.125.144
Trích lập quỹ (b)	-	(1.017.710.642)	581.548.938	(436.161.704)
Chia cổ tức (b)	-	(1.400.000.000)	-	(1.400.000.000)
Tại 31/12/2018	<u>7.000.000.000</u>	<u>512.684.846</u>	<u>1.480.494.675</u>	<u>8.993.179.521</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3602997972 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 3 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là bảy tỷ đồng.

Chi tiết các cổ đông góp vốn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 :

Cổ đông	Giá trị vốn góp của cổ đông tại		Số lượng CP	Tỷ lệ
	31/12/2018 theo thư xác nhận VND			
Nguyễn Ngọc Tuấn	810.000.000	81.000	81.000	11,57%
Lê Quang Cẩm (a)	640.000.000	64.000	64.000	9,14%
Huỳnh Gia Tuyển	600.000.000	60.000	60.000	8,57%
Hoàng Trọng Khánh	600.000.000	60.000	60.000	8,57%
Tạ Văn Khanh	600.000.000	60.000	60.000	8,57%
Nguyễn Thị Bạch Mai	510.000.000	51.000	51.000	7,29%
Công đoàn Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	300.000.000	30.000	30.000	4,29%
Phạm Thị Nhung	300.000.000	30.000	30.000	4,29%
Võ Thị Kiều Oanh	300.000.000	30.000	30.000	4,29%
Bùi Văn Vương	280.000.000	28.000	28.000	4,00%
Các (23) cổ đông là cá nhân khác	2.060.000.000	206.000	206.000	29,43%
	<b>7.000.000.000</b>	<b>700.000</b>	<b>700.000</b>	<b>100%</b>

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/CP.

- (a) Lê Quang Cẩm được Lê Xuân Trinh ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền có thời hạn 10 năm. Lê Quang Cẩm được quyền quản lý sử dụng toàn bộ số cổ phần do Công ty phát hành thuộc sở hữu của Lê Quang Trinh. Lê Quang Cẩm được quyền tham gia Hội đồng quản trị liên quan đến số cổ phần nêu trên, được quyền nhận chia cổ tức, tiền thù lao theo quy định của Công ty; được quyền lập, ký tên trên các giấy tờ liên quan đến công việc được ủy quyền.
- (b) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 05/2018NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thảo luận và quyết nghị kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

-Trích lập các quỹ gồm quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ ban điều hành là 778,40 triệu đồng.

-Dự kiến chia cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ tương ứng số tiền là 1,40 tỷ đồng. Công ty đã trích và chi trả 700 triệu cổ tức đợt 1 trong năm 2018. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cổ tức năm 2018 được chia theo kế hoạch còn phải trả cho các cổ đông Công ty là 700 triệu đồng (Thuyết minh IV.9).

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
Nâng hạ container	21.558.397.888	14.232.550.081
Sửa chữa container	13.091.281.872	7.008.752.900
Vận chuyển container ngoài cảng	3.993.007.581	5.043.287.000
Nâng rỗng depot tại cảng	6.638.412.420	4.770.748.307
Doanh thu khác	3.056.498.576	2.302.712.425
	<b>48.337.598.337</b>	<b>33.358.050.713</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>48.337.598.337</b>	<b>33.358.050.713</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí vật tư, công cụ dụng cụ	5.568.055.217	2.825.755.275
Chi phí nhiên liệu	3.322.038.173	1.793.670.704
Chi phí nhân công	7.111.473.549	4.853.225.266
Chi phí khấu hao	1.189.026.629	1.085.543.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.584.395.855	18.000.236.182
Chi phí khác	33.819.107	11.681.086
Chi phí container xuất bán	344.000.000	-
	<b>42.152.808.530</b>	<b>28.570.112.333</b>

### 3. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	444.708	15.633.197
	<b>444.708</b>	<b>15.633.197</b>

### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	1.163.270.579	1.025.149.221
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.458.842	175.935.707
Chi phí khấu hao	34.677.504	34.677.504
Thuế, phí và lệ phí	2.000.000	3.950.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.196.592.868	1.079.632.147
Chi phí khác	22.376.000	5.000.000
	<b>2.439.375.793</b>	<b>2.324.344.579</b>

### 5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.730.493.114	2.471.202.872
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí không được khấu trừ thuế	481.346.736	186.713.764
Thu nhập tính thuế	<b>4.211.839.850</b>	<b>2.657.916.636</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
	<b>842.367.970</b>	<b>531.583.327</b>

### 6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí vật tư, nhiên liệu và công cụ dụng cụ	8.890.093.390	4.619.425.979
Chi phí nhân công	8.274.744.128	5.878.374.487
Chi phí khấu hao	1.223.704.133	1.120.221.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.780.988.723	19.079.868.329
Chi phí khác	422.653.949	196.566.793
	<b>44.592.184.323</b>	<b>30.894.456.912</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SỐ 1 ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Thu nhập cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	394.134.492	423.462.174

Trong năm tài chính này, Công ty có phát sinh một số giao dịch chủ yếu với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ giao dịch	Số tiền (VND)
Nguyễn Ngọc Tuấn	Cổ đông	Cổ tức được chia	81.000.000
	Chủ tịch HĐQT	Tiền thù lao cho Hội đồng quản trị	48.000.000
Huỳnh Gia Tuyển	Cổ đông	Cổ tức được chia	60.000.000
	Thành viên HĐQT	Tiền thù lao cho Hội đồng quản trị	36.000.000
Lê Quang Cầm	Cổ đông	Cổ tức được chia	64.000.000
	Thành viên HĐQT	Tiền thù lao cho Hội đồng quản trị	30.000.000
Bùi Văn Vương	Cổ đông	Cổ tức được chia	28.000.000
	Thành viên HĐQT	Tiền thù lao cho Hội đồng quản trị	30.000.000
	Giám đốc		
Hà Anh Dũng	Cổ đông	Cổ tức được chia	15.000.000
	Thành viên HĐQT	Tiền thù lao cho Hội đồng quản trị	30.000.000


**3. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

**4. Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

  
**HOANG THỊ THU HỒNG**

Kế toán trưởng

  
**CHÂU VĂN CƯỜNG**

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Giám đốc



  
**BÙI VĂN VƯƠNG**